

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2023.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt
2. Ông Trần Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX- HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978 (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1985 (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Ngọc N (*sau đây viết tắt là anh Đ, chị N*) tự nguyện yêu thương và tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình đồng thuận tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện Vĩnh Thuận (nay thuộc

huyện U Minh Th), tỉnh Kiên G ngày 01/7/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày, thường xuyên xảy ra cự cãi, không có tiếng nói chung, mỗi lần cự cãi là chị N bỏ nhà đi từ 05 đến 07 ngày, anh Đ đi tìm và năn nỉ chị về nhà. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh Đ yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Đ, chị N có 03 người con chung tên Nguyễn Ngọc Ý, sinh năm 2004 (đã trưởng thành), còn lại Nguyễn Ngọc Trúc, sinh ngày 18/11/2008 và Nguyễn Thanh Trì, sinh ngày 17/3/2014 (hiện các con đang sống với anh Đ). Vợ chồng ly hôn các con theo cha hay mẹ là do con quyết định, theo ai thì người đó nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con. Nếu con theo anh Đ thì anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn chị Nguyễn Ngọc N được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không đến Tòa án và cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Đ vẫn giữ nguyên the đơn khởi kiện, anh kiên quyết xin được ly hôn với chị N, do vợ chồng không còn tin tưởng nhau và ly thân từ tháng 3/2022 đến nay cũng không liên lạc với nhau.

Về con chung: Anh Đ, chị N có 03 người con chung tên Nguyễn Ngọc Ý, sinh năm 2004 (đã trưởng thành); còn lại Nguyễn Ngọc Trúc, sinh ngày 18/11/2008 và Nguyễn Thanh Trì, sinh ngày 17/3/2014 các con theo cha hay mẹ là do con quyết định, theo ai thì người đó nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Ngọc N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ. Căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Ngọc N.

[2]. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của anh Đ và chị N là hợp pháp, lý do anh Đ xin ly hôn là do trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra cự cãi, luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên tự ly thân từ tháng 3/2022 đến nay chị N không có liên lạc với anh Đ và chị cũng không về nhà thăm các con. Mỗi lần vợ chồng cự cãi là chị N bỏ nhà đi từ 05 đến 07 ngày thì anh Đ đi tìm kiếm, năn nỉ chị về nhà. Tình trạng hôn nhân của anh Đ, chị N cũng được chính quyền địa phương xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng anh Đ kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ, chị N không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho anh Đ được ly hôn với chị N.

[3]. *Về con chung*: Anh Đ, chị N có 03 người con chung Nguyễn Ngọc Ý, sinh năm 2004 (trưởng thành, không xem xét); còn lại Nguyễn Ngọc Trúc, sinh ngày 18/11/2008 và Nguyễn Thanh Trì, sinh ngày 17/3/2014. Tại bản tự khai của cháu Ngọc Trúc, Thanh Trì có nguyện vọng được sống với anh Đ khi cha mẹ ly hôn. HĐXX nhận thấy: Hiện các cháu Ngọc Trúc, Thanh Trì được anh Đ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt và đang đi học, các cháu đã thích nghi với môi trường sống bên anh Đ và bạn bè trong trường, nên giao các cháu Ngọc Trúc, Thanh Trì cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu Ngọc Trúc, Thanh Trì. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ không yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung*: Anh Đ, chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Anh Đ xác nhận không có nợ ai và cũng không ai nợ anh, chị nên HĐXX miễn xét.

[5]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003471 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Ngọc N.

2. Về con chung: Anh Đ, chị N có 03 người con chung Nguyễn Ngọc Ý, sinh năm 2004 (trưởng thành, không xem xét). Giao con chung Nguyễn Ngọc Trúc, sinh ngày 18/11/2008 và Nguyễn Thanh Trì, sinh ngày 17/3/2014 (hiện 02 con đang sống với anh Đ) cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

Chị Nguyễn Ngọc N có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Đ, chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Anh Đ xác định không có nợ ai và cũng không ai nợ anh, chị nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0003471 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7;

7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng